TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ – ST.
Ngày: 31-03-2023.
"V/v: Ly hôn với người mất tích"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thúy Kiên.

2. Bà Thái Ánh Trinh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Điêu Khắc Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận E - thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận E - thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Ông Võ Hoài Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận E, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 235/2022/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về *"Tranh chấp ly hôn với người mất tích"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc M - sinh năm 1981. Nơi cư trú: số 70/478G đường Huỳnh Văn Nghệ, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc L – sinh năm 1978. Nơi cư trú cuối cùng: khu vực C, phường D, quận E, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt lần thứ hai không L do, đã bị Tòa án tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, quận G, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 18/7/2000. Thời gian đầu chung sống gia đình cũng đầm ấm, hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, ông L không quan tâm đến vợ con chỉ biết đi ăn nhậu và còn quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài nên

vợ chồng thường xảy ra cự cải nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mặc dù nhiều lần bà cũng có khuyên ông L sửa đổi tính tình để chăm lo cho vợ con nhưng ông L không chịu sửa đổi nên vợ chồng vẫn không xóa bỏ được mâu thuẫn. Đến năm 2012 ông L sống với người phụ nữ khác và bỏ nhà đi biệt tích không trở về gia đình. Sau nhiều lần tìm kiếm ông L nhưng đều không có kết quả nên bà làm thủ tục yêu cầu tuyên bố mất tích đối với ông L và đã được Tòa án nhân dân quận E, thành phố Cần Thơ ra Quyết định giải quyết việc dân sự số 19/2022/QĐST-DS ngày 14/11/2022 tuyên bố ông Nguyễn Ngọc L đã mất tích. Từ khi Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Ngọc L mất tích đến nay thì bà và gia đình cũng không có tin tức gì của ông L, không biết ông L đang làm gì và ở đâu. Do đó, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông L để bà ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông L chung sống có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Thị Kim Phương, sinh ngày 11/6/2001 hiện nay đã kết hôn và có cuộc sống ổn định bên chồng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, do hiện nay đang điều trị bệnh không thể tham gia phiên tòa được nên bà M yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc L đã được Tòa án nhân dân quận E, thành phố Cần Thơ tuyên bố mất tích theo Quyết định số 19/2022/QĐST-DS ngày 14/11/2022. Qua kết quả xác minh tại địa phương ngày 14/12/2022 thì thấy: Ông L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực C, phường D, quận E, thành phố Cần Thơ. Ông L có vợ tên là Nguyễn Thị Trúc M và có một người con tên là Nguyễn Thị Kim Phương, vợ con ông L hiện đang sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh, còn đối với ông L thì đã bán nhà bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống khoảng hơn 10 năm nay nên hiện tại ông L không có mặt tại địa phương, do khi đi ông L không trình báo nên không biết ông L đã đi đâu, làm gì và không biết đến khi nào ông L trở về địa phương.

Sau khi thụ L vụ án, Tòa án nhân dân quận E đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ L vụ án và Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng ông L vẫn vắng mặt, Tòa án không có căn cứ khác thể hiện có địa chỉ của ông L. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L, cũng như không tiến hành được phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa bà M và ông L mà căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ pháp lý để xem xét giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ L vụ án đến khi xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Trúc M được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L.

- Về con chung: Bà M và ông L chung sống có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Thị Kim Phương, sinh ngày 11/6/2001, do con chung đã trưởng thành nên bà M không yêu cầu, vì vậy không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trúc M phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc L là người bị Tòa án nhân dân quận E tuyên bố mất tích. Sau khi thụ L vụ án, ông L đã được Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 177, 208, 209 và 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà M và ông L tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay bà M yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình cụ thể là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ xác định nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Ngọc L là khu vực C, phường D, quận E, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân quận E, thành phố Cần Thơ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà M và ông L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, quận G, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 18/7/2000. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong thời kỳ hôn nhân bà M cho rằng vợ chồng chung sống đầm ấm, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L không có trách nhiệm, không quan tâm đến cuộc sống gia đình và ông L còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã nhau. Đến năm 2012 ông L sống với người phụ nữ khác và bỏ nhà đi biệt tích, sau nhiều lần tìm kiếm những vẫn không có tin tức gì của ông L nên bà M đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với ông L và ông L đã được Tòa án nhân dân quận E, thành phố Cần Thơ tuyên bố mất tích theo Quyết định số 19/2022/QĐST-DS ngày 14/11/2022. Theo kết quả xác minh của chính quyền địa phương ngày 14/12/2022 thì ông L đã bán nhà bỏ địa phương đi khoảng hơn 10 năm nay không trở về địa phương. Từ đó

cho thấy, ông L đã không còn quan tâm và không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà M. Xét thấy, ông L là người bị Tòa án tuyên bố mất tích nên yêu cầu ly hôn của bà M thuộc trường hợp ly hôn với người mất tích. Do vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự xử chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông L là phù hợp.

[3.2] *Về con chung*: Bà M và ông L chung sống có 01 (một) người con tên Nguyễn Thị Kim Phương, sinh ngày 11/6/2001. Hiện nay con chung đã thành niên và cũng đã kết hôn sinh sống ổn định nên bà M không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xét đến.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Nguyên đơn bà M xác định không có nhưng do bị đơn ông L vắng mặt nên cần tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[4] *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà M phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 208, 209, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* ***Tuyên xử:***

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Trúc M được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L.

2. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

3. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Trúc M phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004814 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận E, thành phố Cần Thơ *(công nhận bà M đã nộp xong án phí).*

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. *Về quyền, nghĩa vụ và thời hạn thi hành án:* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND Q. E;
- Chi Cục THA DS Q. E;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thị Mộng Tuyền